

Cho đến năm 2004, hầu hết các mặt hàng nông sản xuất khẩu của nước ta đều chưa qua chế biến công nghiệp, ở dạng tinh chế, mà chủ yếu vẫn là nguyên liệu hoặc sơ chế với quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu. Mạng lưới thu mua, bảo quản, chế biến phục vụ xuất khẩu nông sản vẫn còn phân tán, chưa phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu nông sản tuy có đổi mới nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chậm sửa đổi.

Xuất khẩu nông lâm thủy sản Sau một năm thực hiện lộ trình CEPT/AFTA

PGS.TS. NGUYỄN SINH CÚC



Ảnh Diệp Đức Minh

1. Bối cảnh: thách thức mới và thuận lợi mới

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình CEPT/AFTA, từ 01.07.2003, các mặt hàng nông lâm thủy sản (gọi tắt là nông sản) xuất khẩu VN có những thách thức mới và cả những thuận lợi mới.

Về thách thức: từ 1.7.2003 nông sản xuất khẩu VN phải chấp nhận cuộc cạnh tranh quyết liệt trên thương trường thế giới và khu vực cả về chất lượng, giá cả, quy cách, số lượng, thương hiệu và nhãn hiệu hàng hóa. Bước đầu tiên là 760 mặt hàng, nhập khẩu loại nông sản này phải giảm thuế suất nhập khẩu từ 20-50% so với 1.7.2003, đã tác động trực tiếp đến sức cạnh tranh của các mặt hàng nông sản xuất khẩu của nước ta. Bên cạnh đó, nông sản xuất khẩu VN còn phải đối phó với luật lệ

riêng của từng nước, từng tổ chức riêng rẽ, trong đó luật chống phá giá các tra, cá basa và vụ kiện bán phá giá tôm của hiệp hội tôm Mỹ thí dụ rõ nét. Về chủ quan, nhìn chung các mặt hàng nông sản xuất khẩu của VN còn tồn tại nhiều mặt yếu kém về chất lượng, đơn điệu về chủng loại, chủ yếu là sản phẩm thô hoặc sơ chế, chi phí sản xuất cao... nên sức cạnh tranh còn yếu trên thương trường thế giới và khu vực. Đó là khó khăn lớn cho nông sản trong thời kỳ đầu của hội nhập kinh tế.

Về thuận lợi: Thuận lợi do hội nhập đem lại cũng có, tuy chưa nhiều, trong đó rõ nét nhất là tạo cơ hội cho nông sản VN gia nhập thị trường thế giới và khu vực một cách bình đẳng với các nước khác, giảm bớt các chi phí do xuất khẩu qua nước thứ 3 như những năm qua. Một

thuận lợi khác, năm 2003, một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của VN có xu hướng tăng giá trên thị trường thế giới sau nhiều năm giảm sút như cà phê, cao su, hạt điều, sản phẩm gỗ, thủy sản. Một số mặt hàng khác lại xuất hiện xu hướng cầu lớn hơn cung như gạo, cà phê. Hiệp định thương mại Việt Mỹ, VN-EU tiếp tục được thực hiện tạo điều kiện để mở rộng các thị trường có sức mua lớn, nhất là thủy sản, đồ gỗ. Còn ở trong nước, cả năm 2003 và vụ đông xuân năm 2004, nông nghiệp được mùa toàn diện trên nông sản hàng hóa nhiều về số lượng, đa dạng về chủng loại, tiến bộ về chất lượng và an toàn thực phẩm, tạo nguồn cung phong phú cho xuất khẩu nông sản. Trong bối cảnh đó, Nhà nước đã có nhiều chủ trương và giải pháp tích cực và kịp

thời về xúc tiến thương mại, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu nông sản, miễn giảm thuế, ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản cho nông dân, liên kết bốn nhà trong sản xuất, tiêu thụ nông sản...

2. Thực trạng năm 2003 và 7 tháng đầu năm 2004

Kết quả đáng mừng là, năm 2003 và 7 tháng đầu năm 2004, hoạt động xuất khẩu nông sản đã có nhiều khởi sắc và tiến bộ đáng ghi nhận.

Năm 2003, tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt trên 5,5 tỷ USD, (trong đó nông sản đạt trên 3,3 tỷ USD, thủy sản đạt xấp xỉ 2,2 tỷ USD, tăng 900 triệu USD (8,7%) so với năm 2002 và đạt mức cao nhất so với các năm trước.

Bảy tháng đầu năm 2004, trong khi nhiều mặt hàng công nghiệp xuất khẩu xuất hiện xu hướng tăng chậm lại (dệt may tăng 9,5%; hàng thủ công mỹ nghệ tăng 5,4%, thậm chí giảm (sữa và sản phẩm sữa chế biến), thì một số hàng nông sản lại tăng cao cả về lượng và giá so với cùng kỳ năm 2003: Gạo tuy không tăng về lượng nhưng kim ngạch tăng 17,8% do giá tăng mạnh. Các mặt hàng khác cũng tăng với tốc độ cao so với các năm trước: kim ngạch xuất khẩu: cà phê tăng 48,5%; hạt tiêu tăng 29%; hạt điều tăng 34%, chè tăng 56,4%. Đặc biệt sản phẩm gỗ đạt mức 577 triệu USD, tăng 87,0% so với 7 tháng đầu năm 2003 và vượt lên trên gạo (592 triệu USD); cà phê (416 triệu USD), chiếm vị trí thứ 2 về kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông lâm thủy sản, chỉ đứng sau thủy sản (1.161 triệu USD) và đứng vị trí thứ 5 trong các mặt hàng xuất khẩu nói chung trong 7 tháng.

Nét mới của xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2003 và 7 tháng đầu năm 2004 là những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực đều tăng giá. Mặt hàng đầu bảng là thủy sản năm 2003 gần đạt kế hoạch đề ra và tăng gần 200 triệu USD (9,6%) so với năm 2002; 7 tháng đầu năm 2004, đạt 1.161 triệu USD, xấp xỉ cùng kỳ năm 2003. Trong điều kiện

rất khó khăn về thị trường do vụ bán phá giá cá tra, cá ba sa và mới đây là giá tôm VN tại Mỹ, thì kết quả đạt được như trên là cố gắng lớn của các hộ, các cơ sở nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản thuộc mọi thành phần kinh tế. Hiện nay thủy sản nước ta đã có mặt trên thị trường 49 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có hầu hết các thị trường lớn nhưng khó tính như Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc.

Thị trường Mỹ tuy có khó khăn nhưng vẫn là thị trường xuất khẩu thủy sản chiếm tỷ trọng lớn của VN và năm 2003 vẫn tiếp tục tăng trưởng cao: thời kỳ 6 tháng đầu năm tăng 36,5%, từ tháng 7.2003 đến tháng 7.2004 tốc độ tăng có chậm lại nhưng vẫn ở mức cao và điều quan trọng là vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất về mặt hàng tôm và cá ba sa. Thị trường Nhật Bản và EU được mở rộng, kim ngạch tăng nhanh. So với năm 2002, kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2003 và 7 tháng đầu năm 2004 sang thị trường EU tăng 67%, sang thị trường Nhật Bản tăng 25%. Tuy nhiên do tỷ trọng của 2 thị trường này còn bé nên chưa bù đắp được phần giảm sút từ thị trường Mỹ. Thị trường Trung Quốc tuy khá lớn nhưng tăng trưởng không ổn định. Mặt hàng xuất khẩu quan trọng thứ 2 là gạo đã và đang đứng vững thị trường thứ 2 trên thế giới về lượng: Năm 2003 đạt 3.820 nghìn tấn, tăng 17,9% so với năm 2002. Tính chung 7 tháng đầu năm 2004 đạt 2.588 nghìn tấn, bằng mức cùng kỳ năm 2003 nhưng kim ngạch đạt 438 triệu USD tăng 17,2% so với cùng kỳ. Kết quả trên chịu sự chi phối của nhiều yếu tố: thị trường lương thực thế giới; chính sách của các nước nhập khẩu gạo; thiên tai...

Ở trong nước, tổ chức thu mua, bảo quản, vận chuyển, dự trữ, chất lượng gạo, kỹ thuật, xay xát, đánh bóng có nhiều tiến bộ. Đây là thời cơ hiếm có về thị trường và giá cả xuất gạo của VN trong nhiều năm gần đây. Giá gạo xuất khẩu bình quân đạt 188,2 USD/tấn năm 2003 đã tăng lên 228,7 USD trong 7 tháng đầu năm 2004 và còn khả năng tăng

trong những tháng tới... Nét nổi bật về xuất khẩu gạo năm 2003 và 7 tháng đầu năm 2004 là tính chủ động cao hơn các năm trước. Ngay từ đầu năm, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo đã ký kết lượng hàng giao trong năm trên 3 triệu tấn/năm. Do vậy, công tác thu gom, chế biến chuẩn bị nguồn hàng thuận lợi hơn trước đây. Giá lúa trong nước đứng ở mức khá hợp lý cho cả hộ nông dân và doanh nghiệp xuất khẩu nên nhà nước không phải can thiệp bằng biện pháp xuất ngân sách hàng nghìn tỷ đồng hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo mua lúa tạm trữ xuất khẩu như các năm trước. Số hợp đồng xuất thêm vào các tháng diễn ra khá thuận lợi, giá cả hợp lý nên kết quả thực hiện tốt. Lượng gạo xuất khẩu vượt xa kế hoạch đề ra. Tuy nhiên do giá gạo thế giới không ổn định nên đã ảnh hưởng đến giá gạo VN. Do vậy, năm 2003 tuy lượng gạo xuất khẩu tăng 17,9% nhưng kim ngạch chỉ bằng 99,1% năm 2002. Bảy tháng đầu năm 2004 xu hướng biến động theo chiều ngược lại: lượng gạo xuất khẩu không tăng, nhưng kim ngạch lại tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2003.

Đối với một số hàng như cao su, cà phê, hạt tiêu, hạt điều... tình hình giá cả cũng có xu hướng diễn biến tương tự. Giá bình quân cao su xuất khẩu tăng từ 562 USD/tấn năm 2003, nên dù lượng xuất khẩu giảm 2,3% nhưng kim ngạch tăng 43,1%. Xu hướng này còn tiếp tục trong 7 tháng đầu năm 2004: lượng giảm 37,4% nhưng kim ngạch chỉ giảm 11,9% so với cùng kỳ do giá tăng lên 1.133 USD/tấn. Cà phê vốn là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của VN, nhưng năm 2003 chỉ xuất khẩu 749,2 nghìn tấn, chỉ tăng 3,7% so với năm 2002 mà nguyên nhân chủ yếu là giá xuất khẩu giảm mạnh trong 3 năm trước đó. Hàng nghìn ha cà phê vùng Tây Nguyên bị chặt phá, chuyển sang cây trồng khác có lợi hơn. Thêm vào đó mùa khô năm 2003 vùng này bị hạn nặng, hơn 4.000 ha thiếu nước tưới nghiêm trọng, nhất là ở Đắk Lắk, nên năng suất và sản lượng giảm. Trong khi đó

giá cà phê trên thị trường thế giới xuất hiện xu hướng tăng vững trong những tháng cuối năm do cầu lớn hơn cung. Và vì vậy giá cà phê xuất khẩu của VN cũng tăng và đứng ở mức cao đã làm kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này tăng 46,7% so với năm 2002 dù cho lượng tăng không đáng kể. Tuy nhiên, xu hướng biến động giá cà phê trong năm 2003 chưa thật ổn định: Tháng 6 tăng, tháng 8 giảm và tháng 9 lại tăng, gây nhiều khó khăn cho người sản xuất và doanh nghiệp xuất khẩu cà phê.

Bảy tháng đầu năm 2004, tình hình xuất khẩu cà phê khá thuận lợi: Lượng đạt 630 nghìn tấn, tăng 55,2% so với cùng kỳ nhưng kim ngạch đạt 416 triệu USD tăng 48,5%, thấp hơn tốc độ tăng sản lượng. Do đó, dù là mặt hàng chiến lược, VN có thể mạnh nhưng xuất khẩu cà phê luôn luôn tồn tại những bất cập về thị trường và giá cả thế giới. Đối với hạt điều, năm 2003 đánh dấu sự tăng trưởng đột biến cả về lượng và giá. Lượng hạt điều xuất khẩu cả năm tăng 35% và kim ngạch tăng 36% so với năm 2002. Bảy tháng đầu năm 2004, xu hướng này vẫn tiếp tục: lượng xuất khẩu đạt 51 nghìn tấn, tăng 19,2%, kim ngạch đạt 190 triệu USD, tăng 34%. Mặt hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu các năm trước ít được chú ý nhưng năm 2003 đã có tiến bộ vượt bậc với kim ngạch đạt trên 550 triệu USD, đứng thứ 3 sau thủy sản, gạo và vượt xa 2 mặt chủ lực là cà phê và cao su đồng thời đạt tốc độ tăng 35,2%. Bảy tháng đầu năm 2004, xuất khẩu sản phẩm gỗ vẫn tiếp tục tăng trưởng khá, kim ngạch đạt 577 triệu USD, tăng 87% so với cùng kỳ năm 2003 và đứng thứ 2 trong các mặt hàng nông sản xuất khẩu, chỉ sau thủy sản.

Bên cạnh các mặt hàng có mức tăng trưởng khá về kim ngạch, năm 2003 vẫn còn 5 mặt hàng nông sản giảm kim ngạch so với cùng kỳ. Đó là lạc nhân, chè, hạt tiêu, rau quả và thịt lợn. Bảy tháng đầu năm 2004, một số mặt hàng đã có dấu hiệu hồi phục tuy tốc độ vẫn còn chậm. Mặt hàng chè đã tăng 76,7% về lượng xuất khẩu nhưng kim ngạch chỉ tăng 56,4% so với cùng kỳ năm 2003 do

giá giảm. Mặt hàng cao su giảm cả lượng và kim ngạch, dù cho giá có tăng so với cùng kỳ. Thịt lợn và rau quả vẫn trong tình trạng yếu kém và không ổn định cả về lượng và giá. Bảy tháng đầu năm 2004 kim ngạch xuất rau quả chỉ đạt 93 triệu USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2003 dù tiềm năng về nguồn hàng còn rất lớn. Lạc nhân tiếp tục giảm cả về lượng và kim ngạch: Lượng giảm 42,5%, kim ngạch giảm 45,2% so với 7 tháng đầu năm 2003 dù tiềm năng về nguồn còn lớn.

Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều, về khách quan là do chiến tranh Iraq và tình hình xung đột ở Trung Đông làm thị trường bị thu hẹp và đến nay vẫn chưa có tín hiệu phục hồi. Sự biến động trong quan hệ cung-cầu về mặt hàng nông lâm thủy sản 2 năm gần đây là rất lớn, nhất là các mặt hàng VN có thế mạnh. Còn nguyên nhân chủ quan là do sức cạnh tranh của các mặt hàng nông sản nói chung và các mặt hàng chè, rau quả, cao su nói riêng là chất lượng, độ sạch còn thấp, chủng loại đơn điệu, chưa qua chế biến, giá cả còn cao. Sản xuất còn manh mún, tự phát, quy mô nhỏ theo hộ gia đình là chủ yếu nên chi phí thu gom, bảo quản, chế biến... còn cao. Công nghệ chế biến còn lạc hậu, chủ yếu là sơ chế. Cho đến nay hầu hết các mặt hàng nông sản xuất khẩu VN chưa có thương hiệu hàng hóa, hoặc nếu có cũng chưa ổn định.

Một số mặt hàng xuất khẩu còn phải qua trung gian nước khác nên hạn chế về nhiều mặt, nhất là xuất khẩu sang thị trường châu Phi và Trung Quốc. Vấn đề lập kho ngoại quan ở các khu vực này còn dừng lại ở phương hướng và còn nhiều khó khăn. Lợi thế sản xuất trong nước tuy nhiều nhưng chưa được khai thác hợp lý mà nguyên nhân chủ yếu vẫn là do quy hoạch chưa rõ ràng, chính sách chưa cụ thể và chưa nhất quán, kể cả các chính sách khuyến khích xuất khẩu, tổ chức thu gom nguồn hàng, công nghệ chế biến còn lạc hậu. Một vấn đề nổi cộm trong xuất khẩu nông sản VN tồn tại tại nhiều năm qua và cả trong năm 2003 cũng như 7 tháng đầu năm 2004 là chưa có sự

gắn kết giữa sản xuất với chế biến và xuất khẩu một cách bền vững, ổn định và hiệu quả. Cho đến năm 2004, hầu hết các mặt hàng nông sản xuất khẩu của nước ta đều chưa qua chế biến công nghiệp, ở dạng tinh chế, mà chủ yếu vẫn là nguyên liệu hoặc sơ chế với quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu. Mạng lưới thu mua, bảo quản, chế biến phục vụ xuất khẩu nông sản vẫn còn phân tán, chưa phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu nông sản tuy có đổi mới nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chậm sửa đổi.

3. Dự báo triển vọng cả năm 2004

Năm 2004, hoạt động xuất khẩu nói chung, xuất khẩu nông sản nói chung sẽ tiếp tục diễn ra trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hơn năm 2003 do xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới và khu vực của VN theo lộ trình CEPT/AFTA bước vào năm thứ 2. Tuy nhiên, cơ hội cũng không ít. Trong những tháng cuối năm 2003, và đầu năm 2004, Nhà nước đã có nhiều đoàn cấp cao triển khai hàng loạt hoạt động xúc tiến thương mại tại các nước kinh tế phát triển và có triển vọng mở rộng thị trường nhập khẩu của nước ta, trong đó có EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước Đông Âu, Nga, Nam Á, các nước châu Phi. Nhiều hợp đồng xuất khẩu nông sản đã được ký kết ngay từ đầu năm với khối lượng lớn như gạo, cà phê. Đối với nguồn hàng nông sản trong nước, năm 2003 và vụ đông xuân 2004 nông nghiệp được mùa, nông sản hàng hóa dồi dào, chủng loại đa dạng, chất lượng có nhiều tiến bộ. Một số cơ chế và chính sách khuyến khích xuất khẩu nông sản đã được nhà nước bổ sung, hoàn thiện và đang phát huy tác dụng tích cực. Trong bối cảnh đó, dự báo triển vọng xuất khẩu nông sản trong năm còn lại của năm 2004 tiếp tục khởi sắc nhưng tốc độ tăng trưởng không cao. Dự báo triển vọng xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu cho

cả năm 2004 như sau:

Đối với mặt hàng gạo, dự báo đạt mức trên, dưới 4 triệu tấn, cao hơn năm 2003, vì các lý do sau đây: Thứ nhất, thị trường châu Á sẽ tiếp tục ổn định, nhất là Indonesia và Philippines. Các thị trường khác, nhất là châu Phi và Trung Đông, Nhật Bản, Đông Âu đang có xu hướng mở rộng. Thứ hai, nguồn lúa gạo hàng hóa trong nước được bổ sung nhiều do vụ lúa đông xuân ở ĐBSCL và hè thu được mùa. Năng suất lúa đông xuân 2004 của ĐBSCL đạt 58,7 tạ/ha, tăng 2 tạ/ha và sản lượng đạt 8,6 triệu tấn, tăng 117 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm 2003. Năng suất lúa hè thu vùng ĐBSCL tăng trên 2 tạ/ha, trong đó An Giang tăng 7 tạ/ha so với hè thu 2003. Vùng ĐBSH và các tỉnh phía Bắc có triển vọng được mùa cả lúa và màu. Thứ ba, giá lúa gạo trong nước và thế giới đang ở mức cao so với nhiều năm trước, lợi nhuận của nông dân trồng lúa cũng tăng cao (ước tăng 50% lúa hè thu 2004), và đang có xu hướng tăng trong những tháng tới, đã khuyến khích các hộ nông dân đầu tư tăng diện tích vụ thu, vụ mùa ở các tỉnh phía Nam, nhất là vùng ĐBSCL, thâm canh, đổi mới cơ cấu giống để tăng năng suất và chất lượng lúa gạo trong các tháng còn lại của năm 2004. Thực tế xuất khẩu gạo 7 tháng đầu năm 2004 đã và đang chứng minh triển vọng đó là có cơ sở. Không chỉ tăng về lượng, mà quan trọng hơn là tăng kim ngạch xuất khẩu gạo do giá tăng mạnh. Dự báo kim ngạch xuất khẩu gạo năm 2004 sẽ có khả năng đạt trên 900 triệu USD, mức cao nhất kể từ năm 1999.

Đối với mặt hàng cà phê, dự báo lượng xuất khẩu sẽ đạt khoảng 824-830 nghìn tấn 10-12% so với năm 2003. Nguyên nhân chủ yếu do giá thị trường có xu hướng tăng và đứng ở mức cao hơn các năm trước. Lượng cà phê sản xuất sẽ có khả năng đạt cao hơn năm 2003 do người sản xuất đầu tư thâm canh cao nhằm tận dụng thời cơ giá thị trường thế giới đứng ở mức cao. Tuy nhiên khả năng tăng không lớn do sự phục hồi của diện tích cà phê cho sản

phẩm ở Tây Nguyên chậm, hậu quả của hạn hán năm 2003 và đầu năm 2004 còn nặng nề, nhất là Đắk Lắk, Lâm Đồng. Dự báo tốc độ tăng lượng cà phê xuất khẩu 5 tháng cuối năm chậm lại so với 7 tháng đầu năm nhưng vẫn đạt mức trung bình trên 10% so với cùng kỳ năm 2003.

Sản phẩm cao su xuất khẩu năm 2004 có triển vọng cao hơn năm 2003 vì thị trường xuất khẩu đang có xu hướng tăng nhanh, nhất là thị trường Trung Quốc. Nguồn cung có khả năng tăng vững do diện tích cho sản phẩm năm 2003 tăng nhanh, nhất là cao su tiểu điền ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, tốc độ tăng không lớn và cả năm cũng chỉ đạt mức bằng năm 2003 về lượng nhưng kim ngạch sẽ tăng trên 10% do giá thế giới tăng. Hạt điều là mặt hàng xuất khẩu sẽ tăng nhanh trong năm 2004 do thị trường đang mở rộng, nguồn cung có khả năng tăng vững cả vùng Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ.

Thủy sản xuất khẩu có triển vọng đạt cao hơn năm 2003 do thị trường có khả năng mở rộng và nguồn cung tăng vững, nhất là tôm, cá ba sa ở ĐBSCL. Tuy nhiên khó khăn do vụ kiện bán phá giá tôm do Hiệp hội tôm Mỹ khởi kiện tháng 12.2003 đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu thủy sản cả nước trong những tháng cuối năm 2003, và cả năm 2004. Dự báo kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2004 sẽ đạt khoảng 2,3 đến 2,4 tỉ USD. Thị trường xuất khẩu chủ yếu vẫn là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU, trong đó tăng nhanh nhất sẽ là thị trường EU. Thị trường Mỹ đang có dấu hiệu phục hồi và triển vọng vẫn là thị trường chủ yếu về xuất khẩu thủy sản VN năm 2004 và cả các năm tiếp theo.

Mặt hàng đồ gỗ đang có nhiều triển vọng. Dự báo kim ngạch xuất khẩu cả năm 2004 sẽ đạt trên 1 tỷ USD. Tuy nhiên khả năng tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này những tháng cuối năm sẽ chậm lại do nguồn gỗ để sản xuất trong nước hạn chế so với những tháng đầu năm 2004.

Các mặt hàng ít có triển vọng

tăng, thậm chí giảm trong 7 tháng đầu năm 2004 là: rau quả, thịt lợn, hạt nhân, hạt tiêu mà nguyên nhân chủ yếu vẫn là khó khăn về thị trường chưa ổn định, sản xuất manh mún, chất lượng và giá cả kém sức cạnh tranh.

4. Một số giải pháp chủ yếu

Thứ nhất: Đối với các thị trường đã có, Bộ thương mại và các bộ ngành liên quan cần mở rộng các hoạt động xúc tiến thương mại để ký kết sớm các hợp đồng xuất khẩu nông lâm thủy sản cho 5 tháng còn lại của năm 2004. Trên cơ sở các hợp đồng đã ký kết, các bộ ngành cần phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội xuất khẩu triển khai ngay các hoạt động tạo nguồn hàng nhằm thực hiện tốt tiến độ giao hàng theo hợp đồng đã ký. Đối với 4 mặt hàng chưa có thị trường ổn định và giảm sút trong năm 2003 như lạc nhân, rau quả, thịt lợn, hạt tiêu, cần khẩn trương tìm kiếm và ổn định thị trường bằng nhiều hình thức linh hoạt phù hợp với từng loại sản phẩm.

Thứ hai: Đối với các mặt hàng chủ lực như thủy sản, gạo, cà phê, cao su nguồn cung trong nước phong phú nhưng khó khăn về thị trường là rất lớn. Vì các doanh nghiệp xuất khẩu một cách tích cực và đồng bộ. Một trong những chính sách cần xem xét là miễn giảm các loại thuế và phí có liên quan để giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn về vốn và thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế, mở rộng phạm vi giảm thuế doanh thu và xuất khẩu hàng nông sản chủ lực.

Thứ ba: Đối với vụ kiện bán phá giá tôm do hội nuôi tôm Mỹ khởi kiện, Bộ thủy sản và các bộ ngành liên quan cần phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ tích cực Ủy ban tôm, thuộc Hiệp hội xuất khẩu thủy sản VN, chuẩn bị và triển khai sớm các thủ tục pháp lý cần thiết để hầu kiện và đạt mục tiêu thắng kiện. Đây là hoạt động phức tạp và tốn kém (khoảng 1,5 triệu USD) nên rất cần sự hỗ trợ của Chính phủ thông qua các bộ ngành chức năng và các địa phương.